

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày:

Bản án số: 33/2024/DS-ST

Ngày: 09-5-2024

V/v: “Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Phương Anh

2. Ông Lê Văn Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Châu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu phố B, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1972

Địa chỉ thường trú: khu phố 6, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Chỗ ở: hẻm 163 Nguyễn Hội, khu phố 1, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Văn Công T, sinh năm 1989

Địa chỉ: khu phố C, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Văn Công T: bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu phố B, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

(Hợp đồng ủy quyền ngày 19 tháng 02 năm 2024).

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn – người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích V; vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2023, bản tự khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Ngày 07/3/2022, bà Huỳnh Thị Thu H có vay của bà số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Hai bên ký kết Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/3/2022. Đã quá thời hạn trả nợ, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Bà khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu H trả cho vợ chồng bà số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng), số tiền lãi phát sinh từ ngày 07/3/2022 đến ngày 09/5/2024 là 198.882.000 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày 09/5/2024.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị Thu H trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc và lãi phát sinh. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Xét thấy nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H phải trả số tiền 762.000.000 đồng (bảy

trăm sáu mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh, nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/3/2022, thể hiện địa chỉ của bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H tại khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn là khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Theo Đơn khởi kiện, nguyên đơn có ý kiến đề nghị đưa ông Nguyễn Ngọc D (chồng bà Huỳnh Thị Thu H) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại Bản tự khai ngày 22/12/2023 và Biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2024, ông D cho rằng việc bà H vay nợ bà V như thế nào thì ông không hề biết, ông không có nghĩa vụ đối với khoản nợ này. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà V thừa nhận khi bà H vay nợ không có mặt ông D và bà V cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông D biết về khoản nợ, nên thống nhất không đưa ông Huỳnh Ngọc D1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu H phải trả số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn cung cấp bản chính Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/3/2022, nội dung hợp đồng như sau: Bên A (Nguyễn Thị Bích V) đồng ý cho bên B (Huỳnh Thị Thu H) vay số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng), thời hạn vay 01 (một) tháng kể từ ngày 07/3/2022 đến ngày 07/4/2022, lãi suất 1%/tháng.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tên Huỳnh Thị Thu H trong Hợp đồng cho vay tiền như trên, dựa trên các tài liệu mẫu so sánh là tài liệu gốc đang lưu trữ tại Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B. Tại Kết luận giám định số 1414/KL-KTHS ngày 29/12/2023 của Phòng K - Công an tỉnh B, nội dung kết luận như sau: “*Chữ ký, chữ viết mang tên Huỳnh Thị Thu H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Thị Thu H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một người ký, viết*”.

Hợp đồng cho vay tiền do hai bên ký kết, nội dung cho vay, thời hạn, lãi suất và phương thức vay không trái đạo đức xã hội và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận phần nội dung như trên là hợp lệ.

Bà V cho rằng đã giao đủ cho bà H số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng) theo như Hợp đồng cho vay tiền đã ký kết và thời hạn trả là vào ngày 07/4/2022 nhưng bà H không trả cho bà bất kỳ khoản tiền gốc hay lãi nào. Bà H không có bất kỳ văn bản nào phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh có nhận được đầy đủ số tiền trên hay không, có trả được khoản tiền nào hay không, điều này đồng nghĩa với việc đương sự đã từ bỏ quyền chứng minh, và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh này. Do đó, nội dung bà V khai đã giao đủ cho bà H số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng) và từ ngày 07/3/2022 đến nay bà H chưa trả cho bà V khoản tiền nào được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà H có vay của bà V số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng) vào ngày 07/3/2022 với thời hạn là 01 tháng. Tuy nhiên hết thời hạn vay tiền như đã thỏa thuận, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa các bên về nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Nguyễn Thị Bích V khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu H trả số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng) là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu H phải trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 07/3/2022 đến ngày 09/5/2024 là 198.882.000 đồng (một trăm chín mươi tám triệu tám trăm tám mươi hai ngàn đồng) và lãi phát sinh từ sau ngày 09/5/2024. Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”. Nội dung Hợp đồng cho vay tiền ngày 07/3/2022 thể hiện: Bên B (Huỳnh Thị Thu H) đồng ý vay số tiền trên với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay (tương đương 12%/năm) là phù hợp với pháp luật.

Tính tiền lãi từ ngày 07/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/5/2024 như sau: 762.000.000 đồng x 1%/tháng x 26 tháng 03 ngày = 198.882.000 đồng.

Số tiền lãi mà bà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 262, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 357, Điều 361, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V

Buộc bà Huỳnh Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích V, ông Văn C Tỉnh số tiền 762.000.000 đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng), số tiền lãi phát sinh từ ngày 07/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/5/2024 là 198.882.000 đồng (một trăm chín mươi tám triệu tám trăm tám mươi hai ngàn đồng), tổng cộng 960.882.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu tám trăm tám mươi hai ngàn đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu 40.826.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bích V, ông Văn Công T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích V số tiền tạm ứng án phí 19.600.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018970 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu 3.060.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) chi phí giám định. Bà Huỳnh Thị Thu H có nghĩa vụ phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bích V số tiền chi phí giám định 3.060.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) mà bà V đã nộp tạm ứng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/5/2024). Bị đơn có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thảo Nguyên

